

TƯ LIỆU



DÂN TỘC HỌC

CÁC HÌNH THỨC ĐÁNH BẮT CÁ TRUYỀN THỐNG TRÊN SÔNG SUỐI CỦA NGƯỜI MƯỜNG Ở HUYỆN THANH SƠN, TỈNH PHÚ THỌ

HÀ VĂN LINH

Thanh Sơn là huyện miền núi ở phía Tây Nam tỉnh Phú Thọ, có tổng diện tích tự nhiên là 1337,7 km², với 40 xã, thị trấn và có dân số 178.830 người ⁽¹⁾, trong đó có 113.512 người Mường, 56.222 người Kinh, 7.976 người Dao, 342 người Hmông và 778 người thuộc các dân tộc khác. Thanh Sơn là vùng nhiều đồi núi và cũng có nhiều sông, suối lớn nhỏ trên địa bàn, trong đó có sông Bứa lớn nhất, bắt nguồn từ thượng huyện, chảy qua địa phận 13 xã rồi đổ ra sông Hồng ở Tú Mỹ huyện Tam Nông ⁽²⁾. Sông, suối ở đây từ lâu đã nổi tiếng có nhiều loài cá ngon như chép, bống, măng, chày, sinh, chiêm lăng - một nguồn thức ăn tự nhiên vô cùng phong phú. Sống trong môi trường đó, người Mường đã đúc kết nhiều kinh nghiệm đánh bắt các loài cá trên sông, suối với nhiều hình thức đầy sáng tạo, phù hợp với đặc điểm của dòng nước. Dưới đây là một số hình thức đánh bắt cá truyền thống của đồng bào.

1. Mò cá (*mó cá*)

Đây là hình thức bắt cá bằng tay, không dùng công cụ. Khoảng tháng 4 - 5, khi thời tiết nắng nóng, nam giới ở các xã như Văn Lông, Minh Đài, Mỹ Thuận thường rủ nhau từng đoàn đi mò cá. Từ lúc trời nhá nhem tối, họ đến nơi có thác

nước, nhiều đá to, dùng tay đón vào các khe hoặc hang đá để bắt các loại cá thường ẩn ở trong đó như cá sứt, cá sinh... Cách bắt cá này đơn giản; một lần đi mò như vậy mỗi người có thể bắt được 1 - 2 kg cá.

2. Quăng chài (*tanh mường*)

Hình thức đánh cá này phổ biến nhất với người Mường. Ở các xóm gần sông, suối, hầu như nhà nào cũng có chài, và nhiều nhất là ở các xóm vùng dọc sông Bứa và sông Dày. Trước đây chài được đan từ sợi gai - loại cây dễ trồng ở các bãi bên bờ sông, hoặc bằng sợi tơ tằm ăn lá dâu. Khoảng 10 năm trở lại đây, chài được đan bằng dây cước.

Chài được chia làm 3 loại: Loại to gọi là *mường tràn*, dài hơn 3m, có mắt chài dẹt lọt 3 đầu ngón tay. Trên đỉnh chóp của chài có dây gai to bằng chiếc đũa, dài khoảng 4m để buộc vào cổ tay người quăng chài. Dưới chân chài người ta không dùng chì kẹp mà dùng các vòng bằng đồng hoặc sắt để vừa nặng và khoẻ. Mùa quăng chài là khoảng thời gian từ tháng 9 đến tháng 5: khi đó nước cạn, chưa có lũ lớn. Vào lúc trời bắt đầu tối, cứ 2 người một mảng, người ta bơi đến những vực sâu, nơi có nhiều cá to để quăng chài. Khi đã quăng chài xuống nước, người ta dần dần giật dây thu chài lại rồi kéo lên.

Trường hợp được cá lớn thì phải lặn xuống túm dần chân chài lại, quặn vào mình cá và ôm cả chài lên bờ. Cá thường được là bống, chép, măng, chày đỏ mắt, có con nặng 8 - 10 kg. Ở Mỹ Thuận, Tân Phú người ta thường đi thành đoàn trên dưới chục chiếc mảng quăng chài tập trung theo từng vực. Bằng cách này, sẽ dễ được cá hơn vì cá bị động nước, chạy lung tung sẽ bị chài úp.

Loại chài nhỏ gọi là *mường lượm*: loại này nhỏ hơn, mắt chài chỉ dứt lọt 2 đầu ngón tay, không phải dùng dây buộc; chân chài kẹp chì và trọng lượng mỗi chài khoảng 4 kg. Chài này dùng quăng cả ban ngày và ban đêm, không phải dùng mảng. Nếu quăng ban ngày thì người ta phải rình cá: khi đàn cá ăn dần vào chỗ nông khoảng 1m nước trở lại thì họ quăng chài. Ban ngày thường quăng được cá trôi, cá sinh, cá nhân, cá chày. Vào ban đêm, người ta đi quăng ở cả chỗ nông và chỗ sâu và cá bắt được thì thập cẩm. Ở vùng Xuân Đài vào mùa nước cạn, những người đánh bắt thường rủ nhau từng đoàn 7 - 10 người, dàn hàng ngang trên từng đoạn sông để quăng chài.

Loại chài nhỏ nhất gọi là *mường rọi*, có lỗ chài chỉ dứt lọt 1 ngón tay. Chài này chủ yếu bắt cá nhỏ và quăng ở chỗ nước nông, vào cả ngày lẫn đêm.

Người đi kiếm cá bằng chài, ngoài việc biết quăng chài thành thạo còn phải có kinh nghiệm và biết được quy luật nơi tìm kiếm thức ăn, nơi ngủ và mùa sinh sản của từng loại cá. Theo kinh nghiệm của người Mường ở Thanh Sơn, cá chép ban đêm thường đi kiếm ăn vào chỗ nước nông

có cát. Vào các tháng giêng, hai là mùa cá đẻ và chúng thường đẻ ở nơi nước chảy có cỏ trùn xuống bờ sông. Vì thế, họ thường làm sẵn một bó lá nhủ cá vào để để quăng chài. Cá nong, cá mương thường đẻ ở bờ cát, có đá nhỏ, nơi nước chảy vừa phải; cá đục cũng đẻ ở nơi có cát, nước không chảy xiết.

Ngoài cách quăng chài như trên, người Mường còn dùng chài để bắt cá trong một số trường hợp sau:

- Làm chài máy (*mường máy*): Người ta chọn một điểm ở gần bờ, nơi khá bằng phẳng ít bùn, đóng 4 cọc tre hình vuông trên diện tích khoảng 15 m² rồi buộc 4 cái sào vào các cọc trụ, tạo thành một ô vuông cách mặt nước khoảng 50 cm. Ở giữa ô vuông đó người ta buộc lá ráng hoặc lá sắn làm môi nhủ cá. Khi cá đã quen ăn, người ta lấy chài to (*mường tràn*) cài lên quanh các cây sào. Có một dây mây được buộc vòng quanh các cột song song với 4 cây sào, ở đầu dây mây buộc vòng lại tạo nên một cái lẫy nối với một sợi dây thừng dẫn vào bờ. Khi chài đã căng ra chắc chắn, người ta lấy những hòn đá bằng quả na, quả bưởi cài đều dưới chân chài, cách mặt nước chừng 20 cm. Mọi việc phải chuẩn bị xong từ buổi sớm. Tối đến, người ta ngồi rình cá trên bờ. Khoảng 7 - 8 giờ tối cá vào ăn. Để biết cá có vào ăn hay không, người ta buộc cành lá môi vào một sợi dây nhỏ như dây cước dẫn vào bờ, rồi buộc vào một cái chuông nhỏ. Khi chuông rung liên tục và mạnh đều là lúc cá vào ăn nhiều, người ta giật sợi dây thừng cho lẫy bật ra. Do buộc nhiều đá nên chân chài sập nhanh xuống nước làm cho cá không thoát kịp.

Mỗi lần giật như vậy có thể được hàng chục kg cá, với các loại như cá bống, cá trắm cỏ...

- Xếp đá (*là rúm*): Ở những nơi có nhiều đá và dòng nước chảy vừa, người ta xếp đá lại thành đống trên một diện tích khoảng 3 - 4 m² dưới mặt nước (thường là vào mùa đông). Sau khoảng 1 tháng người ta quăng chài úp lên trên và lấy từng viên đá ra, khi hết đá thì cá đã ở trong chài, thường là cá trạch chấu, cá chiền, cá quất, cá ngạch. Khi bỏ đá ra thì xếp thành luôn đống đá mới để lần sau bắt tiếp.

- Chọc thuốc (*chọc val*): Ở những nơi có nhiều hang đá, hốc đá sâu có nhiều cá mà khó đánh bắt, người ta lấy hạt thàn mát, bã hạt sỏ (khi đã ép lấy dầu), tro bếp, ớt chỉ thiên trộn lẫn và giã nát rồi lấy lá gói thành từng gói như chiếc bánh chưng to, cài vào đầu một cây sào. Sau khi đã úp chài kín vào những hang hốc đá, người ta luôn sào sâu vào trong hang rồi giật mạnh để gói thuốc bung ra. Cá không chịu được phải chui ra ngoài, mắc vào chài. Cách làm này thường được cá ngạch, cá chiền; có con nặng 3 - 4 kg.

3. Ngâm Pá (*tạm pá*)

Pá được đan bằng nứa có hình phễu rộng như 1 gian nhà, trong đó người ta buộc đầy những gốc cây, cành cây, để cá chui vào ở hoặc ẩn nấp. Pá được ngâm vào mùa đông, khoảng tháng 11 - 12 âm lịch. Khi ngâm, người ta dùng 3 chiếc mảng ghép lại hình tam giác cho pá vào giữa rồi đẩy mảng ra chỗ vực sâu có nhiều cá để thả pá xuống. Trong pá người ta buộc thêm 1 số hòn đá bằng chiếc chậu rửa mặt

để pá không bị nước cuốn trôi; cửa pá quay xuôi theo chiều chảy của dòng nước. Phía cửa pá, người ta buộc 3 cây nứa ở khoảng cách đều nhau thò lên mặt nước để vừa làm dấu vừa làm chỗ nắm lấy khi kéo lên. Sau 1 hoặc 2 tháng người ta tổ chức kéo pá. Trước khi kéo vài hôm, một người phải lặn xuống buộc vào mép cửa giữa phía dưới 1 mảnh giang nhỏ bằng 2 ngón tay giòng lên mặt nước; buộc vào chiếc phao nứa có sẵn những mảnh giang chẻ dài đã được nối lại để dẫn lên bờ làm dây kéo. Trước khi kéo, người ta dùng chài quăng xung quanh vực và đập nước làm cho cá sợ chạy vào trong pá. Lúc đó, người ta ghép 3 chiếc mảng như khi đi ngâm, trên mỗi mảng có 3 đến 4 người khoẻ mạnh là nam giới. Khi mảng ra đến điểm ngâm pá, dây giang dẫn từ bờ ra được nối với dây đã buộc sẵn với pá. Mọi người cùng nắm cây nứa và dây buộc kéo từ từ cho pá lên mặt nước; cửa pá phải ngửa lên trên sao cho mép cửa thò lên khoảng 40 - 50 cm là được, và lúc này ở trên bờ, mọi người cùng kéo pá vào bờ. Khi kéo pá vào đến gần bờ mà độ sâu của nước chỉ còn tới đầu gối thì 1 mảng được đẩy ra; những người trong bờ cùng hỗ trợ kéo pá lên mép nước, rồi dỡ từng cành cây ra để bắt cá. Mỗi lần như vậy có thể được từ 1 - 2 tạ cá, chủ yếu là cá bống, cá trôi, cá chép.

Kéo pá là hình thức sinh hoạt tập thể mang tính chất cộng đồng, mọi thành viên trong xóm đều tham gia. Trước đây, sau khi đã dành phần cá cho nhà lang, cho người có mảng, cho người lặn buộc dây trước khi kéo, số cá còn lại được chia đều cho các nóc nhà. Kéo pá còn là một đặc

quyền của nhà lang (3). Ở Mường Át, dân xóm Chiềng phải đan pá ngâm xuống vực Thát cho nhà Ngài, dòng họ Đinh Văn Bích. Đến ngày 22 tháng chạp là ngày giỗ của Ngài, dân trong xóm phải đến đánh cá, kéo pá lấy cá cho nhà Ngài cúng (gọi là *tanh cạ phạ thăng* - đánh cá phá vực). Sau khi cúng, những con cá to nhất thuộc về nhà Ngài; còn lại, dân làm gỏi, nướng cá, tổ chức ăn uống tại bãi cát trên bờ vực Thát. Hàng năm đến ngày 6 tháng giêng, cả xóm kéo pá lấy cá để cầu cúng ở các miếu gọi là lễ cầu hạ điền.

4. Làm *tông* (là *tông*)

Vào mùa nước cạn, người ta chọn nơi đầu thác để làm *tông*. Tại đây, người ta đắp 1 cái chặng ngang sông. Chặng được làm bằng cách: xếp các sọt đá to, mỗi sọt cách nhau khoảng 3 m rồi luồn cây gỗ hoặc tre từ sọt này sang sọt kia; sau đó đan phên nửa theo kiểu rào vườn. Các thanh nan được đan sao cho phân cật về một mặt, bụng về một mặt. Mặt phên toàn là bụng nửa có màu trắng được đặt quay về phía nước chảy làm cho cá thấy trắng mà sợ, không dám nhảy qua. Các phên nửa nối lại với nhau, dựa vào các thanh gỗ và sọt đá làm thành một hàng rào ngang sông, mép rào cao hơn mặt nước khoảng 30 cm. Bên cạnh một phía bờ, người ta đóng cọc gỗ rồi quây 4 sọt đá cao để làm *tông*; xung quanh đan phên nửa có lỗ nhỏ để cá không ra được nhưng nước vẫn thoát qua. Phía ngoài *tông*, mở một cửa rộng bằng cửa ra vào ở nhà, có phên tre hoặc bương kéo sập xuống dễ dàng. Khi kéo cửa lên khoảng 50 - 70 cm, phía trên được gắn vào đòn tay để giữ cửa; phía trong đòn

tay gắn với bộ phận lấy giống như lấy cụp ở vùng xuôi. Từ lấy này, có nhiều sợi dây bằng gai hoặc tơ tầm cài xuống đáy nước. Cánh cửa có treo vài hòn đá. Khi cá tìm đường xuôi theo dòng nước bị hàng rào ngăn lại không dám vượt qua, bơi vào phía bờ, gặp nguồn nước lùa qua cửa *tông*, cá bơi vào đụng phải những sợi dây làm bẫy cửa sập xuống và lúc này, người ta dùng vợt để bắt cá dễ dàng. Lúc cá đi theo đàn, mỗi lần sập có thể được vài chục kg.

5. Làm *tha* (là *tha*)

Để làm *tha*, người ta cũng rào sông chặn cá như làm *tông* nhưng không làm ở đầu thác mà ở giữa thác - nơi nước chảy mạnh. Phía trong bờ người ta cũng làm những sọt đá to chắc chắn, xếp sọt theo hình phễu xuôi theo bờ sông, song phần miệng phễu lại ở phía dưới dòng chảy. Người ta luôn cây gỗ ngang ở 2 sọt phía dưới, trên thanh gỗ lại đặt dọc 5 - 7 cây gỗ ngang sao cho phía dưới chéch lên khỏi mặt nước. Một cái phên nửa to, dài được rải lên những cây gỗ đó, đầu mép phía trên được để sát xuống đáy mặt nước và chèn đá lên. Phên tạo thành lòng máng để nước từ trên chảy xối vào đó; phía dưới lòng máng được gắn với một chiếc rọ to. Khi cá theo nước lao xuống sẽ rơi vào rọ. Cách làm này hiệu quả và bắt được nhiều cá, kể cả cá to đến cá bé, và cá có thể vào *tha* bất cứ lúc nào, nhất là về đêm hoặc khi có mưa.

6. Làm *Mẹt* (là *mẹt*)

Vào mùa nước cạn, từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau, người ta chọn nơi nước nông từ 0,5 đến gần 1m nước ở đầu thác, và ở chỗ càng hẹp càng tốt. Sau đó, họ

dùng những cây tre già chặt ngắn khoảng 50cm, chẻ thành mảnh nhỏ rộng bằng 2 ngón tay, vót nhọn 1 đầu, đóng thành 2 hàng song song, chạy ngang dòng sông; hàng nọ cách hàng kia khoảng 7 - 8 m, mỗi cọc cách nhau từ 1 - 2m. Tiếp theo, người ta lấy những cây nứa non chẻ đôi rồi đập dập, tạo thành các mảnh có chiều ngang khoảng 10 cm. Các mảnh nứa được ghép lại, dựa vào những chiếc cọc tre, song phần bụng nứa (màu trắng) phải quay vào phía trong hai hàng cọc. Mảnh nứa dưới cùng phải sát với đáy nước để cá không thể chui qua được. Công việc hoàn tất trong buổi chiều. Tối đến, phải có 2 người đi bắt cá: 1 người chuyên vác bó đuốc để soi và đeo bên hông 1 cái giỏ to; 1 người cầm đĩa có cán dài để đâm cá. Khi cá từ phía trên hoặc phía dưới đi lên lọt vào trong hàng *mẹt*, thấy mảnh nứa trắng ngăn ngang hoảng sợ chạy lung tung 1 lúc rồi nép vào các hòn đá. Lúc này người ta dùng đĩa đâm và bắt dễ dàng. Cứ 10 đến 15 phút người ta lại đi soi bắt cá một lần trong đêm. Phương pháp này đơn giản, không mất nhiều công sức và có thể được 1 vài chục kg cá 1 đêm; cá bắt được nặng khoảng 0,5 kg đến vài kg một con. Nhưng làm *mẹt* chỉ dùng được trong 1 đêm, những ngày sau nước ngấm bản làm cho mảnh nứa bám bụi không còn trắng nên cá thường vượt qua. Khi đã hết đêm, bao giờ người ta cũng phải gỡ 1 mảnh nứa ra để cá ra vào tự do - đây được coi là cái *mẹo* của người đánh cá.

7. Đơm dó (tước tọ)

Đó được đan bằng cây nứa hoặc cây dùng, nhỏ bằng cổ chân, dài khoảng 30cm,

phía miệng có hom để cá vào mà không ra được. Mùa nước cạn người ta thường rủ nhau vài ba người đi đơm ở nơi nước chảy có nhiều đá nhỏ và nhiều cá trạch châu, cá ruồn rây. Khi đơm phải đập ốc suối làm mồi thả vào đó, khơi đáy nước lấy đá chèn lên trên cho miệng đó quay xuôi theo dòng nước. Cá thấy mùi tanh chui vào ăn, sau khoảng 10 - 15 phút người ta nhấc đó lên đổ cá ra và lại đơm lại. Người đơm đó thường là chị em phụ nữ, hoặc các mẹ già. Mỗi lần đơm khoảng 15 chiếc, 1 buổi chỉ được 1-2 kg cá là nhiều.

8. Đơm vông (tước vông)

Vông được đan như chiếc dó, nhưng to bằng bắp chân, dài chừng 60 cm; đơm ở chỗ sâu hoặc nước chảy xiết, không phải thả mồi như dó, chủ yếu để bắt cá sứt. *Vông* được đơm qua 1 ngày hoặc 1 đêm mới đi vớt lên. Người đơm phải là nam giới, có sức khỏe.

9. Đơm rãnh (tước rãnh)

Rãnh được đan bằng tre, thanh nhỏ bằng nửa mảnh dóm, có hom; thân dài từ 1- 1,5 m, tùy theo từng loại. *Rãnh* thường đơm ở suối, phổ biến ở vùng Văn Lương, Long Cốc, Khả Cửu. Người ta đập đá ngang suối, cách một đoạn lại để một cửa thông cho cá qua lại. Buổi tối, họ đặt rãnh vào đó; miệng rãnh quay xuôi theo dòng nước, cá ngược nước chui vào rãnh mắc hom không ra được.

10. Rọ gai (tước thuộc kai)

Rọ được làm từ 3 mảnh tre nhỏ bằng nửa ngón tay gập đôi lại thành hình phễu, dài chừng 30 cm, miệng có đường kính rộng từ 10 - 15 cm. Ở mỗi thanh tre phía

dầu miệng có buộc nối lại với nhau bằng một sợi dây chắc; phía đầu chóp lồng trong một cái khung tròn quán bằng mảnh tre để cố định khung của rọ gai. Trên mỗi thanh tre (6 thanh), người ta buộc chặt vào đó một loại cây có gai giống như gai mây nhưng to hơn, chắc và khoẻ (loại gai này mọc thành từng chùm trên cây, cách nhau khoảng 2cm); và khi buộc gai phải hướng vào phía trong đỉnh rọ. Vào mùa nước lũ người ta mới đi buộc rọ gai. Trong rọ gai phía đỉnh có buộc mỗi bằng châu chấu, dế mèn, ngóe hoặc quả róc có màu đỏ để nhử cá. Rọ gai được buộc một sợi dây mây chắc vào đỉnh rọ rồi buộc vào cành cây ở cuối thác nước hoặc nơi dòng nước chảy. Khi cá đi ăn thấy mỗi tìm cách lao vào bị gai móc ngược không thể tuột ra được. Hình thức bắt cá này đơn giản và thường được cá to, với những loại phàm ăn như cá chày, chày mắt đỏ, cá bống.

11. Giuốc cá (*thậu cạ*)

Lợi dụng mùa khô cạn ở những con suối ít nước, người ta dùng lá cối, vỏ cây cheo, bã hạt sỏ khi đã ép dầu rồi giã lẫn với nhau thật nát đổ xuống một đoạn suối. Chất độc từ đó ngấm vào nước chảy xuôi theo suối làm cho cá trên đoạn suối đó bị thuốc phải ngoi lên mặt nước và người ta lấy rổ hoặc vợt để bắt cá. Đây là hình thức sinh hoạt tập thể mang tính cộng đồng; có nơi còn gắn với yếu tố tôn giáo. Ngày xưa ở xóm Sặc xã Thạch Kiệt, nếu đến tháng 4, tháng 5 mà trời chưa mưa thì nhà lang tổ chức cho dân cả xóm đi giuốc cá ở vực Vó. Ngoài việc bắt cá, người ta cho rằng như vậy sẽ làm cho ma nước, thần nước bị đổ mắt mà phải làm mưa cho dân cấy lúa.

12. Soi cá (*ti van cạ*)

Mùa nước cạn và khi trời lạnh, cá thường rúc vào bờ cho ấm. Tối đến, người ta vác bó đuốc đi dọc bờ sông, bờ suối (đi từ dưới hạ lưu ngược lên) để soi cá. Dụng cụ mang theo thường là 1 chiếc đĩa (đình ba) hoặc 1 cái đập đan bằng gai có kẹp chì xung quanh để đâm cá hoặc úp cá.

13. Câu (*ti câu*)

Câu cá là hình thức phổ biến ở nhiều nơi và ở nhiều dân tộc. Riêng ở người Mường Thanh Sơn có 3 cách câu như sau:

- *Câu moọc*: Đây là loại câu không dùng cần, chỉ để câu cá to như cá măng, chày đỏ mắt. Sợi câu bằng cước to dài được quán vào một cái ống bương dài 20 cm; lưỡi câu sắt to gần bằng cái nan hoa xe đạp. Mỗi câu thường là 1 con cá bằng 2 - 3 ngón tay còn sống. Người ta mắc lưỡi câu dọc vào gần đuôi con cá rồi rải xuống chỗ vực sâu, nơi thường có cá to bắt mồi. Trong bờ người ta mắc ống dây vào 1 cái cọc và ngồi đợi. Con cá mồi vừa bị thương lại vướng dây câu không chạy nhanh được, liền bị con cá lớn đớp gọn. Khi thấy dây câu bị lôi và giật mạnh là lúc cá đã mắc câu: người ta cầm giữ lấy ống câu giật mạnh một cái cho lưỡi câu cắm sâu vào miệng cá, rồi lựa dây câu căng đều cho cá chạy đến khi mệt thì họ mới lôi cá lên. Loại câu này có thể câu được con cá nặng tới 10 kg.

- *Câu chì*: Là loại câu có cần dài 2- 3 m, lưỡi nhỏ vừa; dây câu là sợi cước hoặc gai nhỏ. Ở gần lưỡi câu khoảng 20 cm, người ta kẹp một hòn chì nhỏ đủ cho lưỡi câu chìm xuống đến đáy sông ở một vị trí cố định. Người ta chỉ câu theo cách này vào

mùa lũ, với mỗi bằng giun. Cá câu được thường là các loại trạch chấu, ngang, ngạch, quất.

- Câu nổi: Lưỡi câu không được kẹp chì, và người ta để cho mỗi câu trôi theo dòng nước. Mỗi thường là châu chấu, đế mèn. Câu kiểu này thường được cá bống, cá chày, cá mương - các loại cá có vảy, hay ăn nổi và ở tầng giữa.

14. Chọc xiên (*tâm xiên*)

Người ta dùng một đoạn thép dài từ 1 đến vài mét (thường là *phi* 6 đến *phi* 10), một đầu đập bẹp, dũa 2 bên thành ngành như mũi tên. Để xiên cá, họ phải tìm nơi có hang sâu, lặn xuống rồi dùng cây xiên chọc vào hang, khi trúng cá thì lựa lôi cá ra. Cá xiên được thường là cá quất, cá ngạch, có con nặng tới 3 - 4 kg.

15. Xúc tha (*xôc tha*)

Để làm *tha*, người ta phải đan lưới bằng sợi gai – giống như đan như vọt cá nhưng mắt nhỏ, chỉ đứt lọt ngón tay và dài khoảng 70 cm. Tấm lưới này được luồn vào một đoạn song uốn cong, hai đầu cây gập khít lại với nhau thành một cái cán, dài khoảng 1 m. Để bắt cá, buổi tối người ta ra những nơi thác nước chảy có nhiều đá; một người cầm tha chặn ở dưới hòn đá theo chiều dòng nước chảy, một người dùng tay khua quanh hòn đá hoặc nhấc đá lên. Những con cá bông bén nhỏ bằng 2 ngón tay thường bám chặt trên hòn đá để ăn rêu, thấy động liền rời ngay hòn đá thì bị nước cuốn vào tha. Làm theo cách này, mỗi lần đi bắt (từ đầu thác xuống cuối thác), có thể được 1 - 2 kg cá.

*

* *

Do sinh sống ở nơi có nhiều sông suối, người Mường có nhiều cách đánh bắt cá trên dòng nước chảy. Các hoạt động đó đã đem lại một nguồn thực phẩm vô cùng quan trọng để làm các món ăn truyền thống trong bữa cơm của họ. Người Mường thường nói: "Ăn cơm chẳng cọ cạ như là nà chẳng cọ ku" (Ăn cơm không có cá như làm ruộng không có trâu). Các hình thức đánh bắt cá truyền thống phản ánh một mảng văn hoá khai thác tài nguyên và hàm chứa cả mối quan hệ xã hội và một số tín ngưỡng của người Mường. Do đó, dù ngày nay có những hình thức đánh bắt cá trên đây đã mai một, song tìm hiểu chúng sẽ góp phần vào nghiên cứu văn hoá truyền thống của đồng bào.

Chú thích

1. Cục thống kê Phú Thọ. *Niên giám thống kê năm 1999 tỉnh Phú Thọ*. Nxb. Thống kê, 2000, tr 36.
2. Nguyễn Xuân Lâm. *Địa chí tỉnh Vĩnh Phú*. Ty văn hoá tỉnh Vĩnh Phú xuất bản năm 1974, tr. 69.
3. JEANNE CUISINIER. *Người Mường: địa lý nhân văn và xã hội học*. Nxb. Lao động, H, 1995, tr. 233.
4. Hàng năm, người dân phải đi lễ tết nhà lang. Theo tục lệ ở Mường Át, ngoài bánh thịt, gà, mỗi nóc nhà phải có 1 gói cá, nếu cá to thì 8 miếng, cá nhỏ thì xếp 3 lượt, cá làm thính khoảng 3 đĩa.